Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8464.10.10

Mã HS	8464.10.10
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ để gia công đá, gốm, bê tông, xi măng - amiăng hoặc các loại khoáng vật tương tự hoặc máy dùng để gia công nguội thủy tinh / - Máy cưa: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	05/11/2026 15:34:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84641010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14230
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14230
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14230
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13566
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13507
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13507
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13507
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13507
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13507
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13507
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13561
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13561

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13561
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13561
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13561
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13561
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13562
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13562
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13562
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13562
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13562
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13562
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13565
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13513
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13521
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13521
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13521
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13521
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13521
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13521
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13552
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13552
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13552
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13552
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13552
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13552
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13601
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13601

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13601
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13601
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13601
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13601
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13584
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13584
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13584
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13584
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13584
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13584
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13584
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13584
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13584
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13584
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13584
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13584
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13599
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13599
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13599
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13599
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13599
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13599
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13598
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13598
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13598
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13598

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13598
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13598
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13578
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13578
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13578
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13578
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13578
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13578
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13578
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13586
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13586
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13586
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13586
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13586
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13586
RCEP B	2022	2022	0	B!D13586
RCEP B	2023	2023	0	B!E13586
RCEP B	2024	2024	0	B!F13586
RCEP B	2025	2025	0	B!G13586
RCEP B	2026	2026	0	B!H13586
RCEP B	2027	2027	0	B!I13586
RCEP C	2022	2022	0	C!D13586
RCEP C	2023	2023	0	C!E13586
RCEP C	2024	2024	0	C!F13586
RCEP C	2025	2025	0	C!G13586
RCEP C	2026	2026	0	C!H13586

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13586
RCEP D	2022	2022	0	D!D13585
RCEP D	2023	2023	0	D!E13585
RCEP D	2024	2024	0	D!F13585
RCEP D	2025	2025	0	D!G13585
RCEP D	2026	2026	0	D!H13585
RCEP D	2027	2027	0	D!I13585
RCEP E	2022	2022	0	E!D13589
RCEP E	2023	2023	0	E!E13589
RCEP E	2024	2024	0	E!F13589
RCEP E	2025	2025	0	E!G13589
RCEP E	2026	2026	0	E!H13589
RCEP E	2027	2027	0	E!I13589
RCEP F	2022	2022	0	F!D13586
RCEP F	2023	2023	0	F!E13586
RCEP F	2024	2024	0	F!F13586
RCEP F	2025	2025	0	F!G13586
RCEP F	2026	2026	0	F!H13586
RCEP F	2027	2027	0	F!I13586
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12608
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12608
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12608
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12608

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8464.10 có 2 dòng thuế; dòng 8464.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8464.10.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8464.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8464.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14230), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.